

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO: KỸ THUẬT ĐỘNG CƠ ĐÓT TRONG
CHUYÊN NGÀNH: KỸ THUẬT CƠ KHÍ ĐỘNG LỰC**

1. Tuyển sinh và đối tượng tuyển sinh

- Tuyển sinh được thực hiện bằng hình thức thi tuyển với ba môn thi là toán cao cấp, tiếng Anh và môn chuyên ngành (cơ học chất lỏng).

- Đối tượng tuyển sinh được quy định cụ thể như sau:

1.1. Về văn bằng: người dự thi cần thuộc một trong các đối tượng sau:

		QUY ƯỚC MÃ NHÓM ĐỐI TƯỢNG HỌC VIÊN			
		Ngành học đại học	Chương trình đại học*		
			5 năm- 155 TC	4,5 năm- 141 TC	4 năm- 128 TC
Đối tượng Đối tượng dự thi định hướng nghiên cứu	Ngành đúng	Cơ khí động lực (định hướng chuyên sâu Kỹ thuật động cơ đốt trong, Kỹ thuật ô tô), Cơ khí ô tô, Kỹ thuật ô tô và các ngành tương đương.	A1.1	A1.2	A1.3
	Ngành phù hợp	Cơ khí động lực với định hướng chuyên sâu khác với Kỹ thuật động cơ đốt trong và Kỹ thuật ô tô.	B1.1	B1.2	B1.3
	Ngành gần	Công nghệ chế tạo máy, Cơ điện tử, Máy tàu biển, Cơ khí giao thông, Cơ kỹ thuật, Kỹ thuật cơ khí, Kỹ thuật cơ-điện tử, Kỹ thuật hàng không, Kỹ thuật tàu thủy và các ngành tương đương.	C1.1	C1.2	C1.3
Đối tượng dự thi định hướng ứng dụng	Ngành đúng	Cơ khí động lực (định hướng chuyên sâu Kỹ thuật động cơ đốt trong, Kỹ thuật ô tô), Cơ khí ô tô, Kỹ thuật ô tô và các ngành tương đương.	A2.1	A2.2	A2.3
	Ngành phù hợp	Cơ khí động lực (định hướng chuyên sâu khác với Kỹ thuật động cơ đốt trong, Kỹ thuật ô tô), Công nghệ kỹ thuật ô tô.	B2.1	B2.2	B2.3
	Ngành gần	Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Sư phạm kỹ thuật công nghiệp, Công nghệ chế tạo máy, Cơ điện tử, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, Máy tàu biển, Cơ khí giao thông, Cơ kỹ thuật, Kỹ thuật cơ khí, Kỹ thuật cơ-điện tử, Kỹ thuật hàng không, Kỹ thuật tàu thủy và các ngành tương đương.	C2.1	C2.2	C2.3

* Phải thỏa mãn cả 2 yêu cầu về thời gian và số tín chỉ

Các đối tượng khác do Viện Cơ khí Động lực xét duyệt hồ sơ quyết định.

1.2. Về thâm niên công tác:

Đối với đối tượng đăng ký dự thi để học theo định hướng nghiên cứu:

- Người có bằng tốt nghiệp đại học loại trung bình khá trở lên được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học.

- Những trường hợp còn lại phải có ít nhất một năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực phù hợp. Đối với đối tượng đăng ký dự thi để học theo định hướng ứng dụng: không yêu cầu có thâm niên công tác.

2. Thời gian đào tạo

- Khóa đào tạo theo học chế tín chỉ.
- Thời gian khóa đào tạo được thiết kế cho các đối tượng A1, B1, D1 và E1 là 1 năm (2 học kỳ chính).
- Thời gian khóa đào tạo được thiết kế cho các đối tượng A2, B2, D2 và E2 là 1,5 năm (3 học kỳ chính).
- Thời gian khóa đào tạo được thiết kế cho các đối tượng còn lại là 2 năm (4 học kỳ chính).

3. Bổ sung kiến thức

Danh mục các học phần bổ sung được thể hiện trong bảng 1, danh mục các đối tượng và học phần phải học bổ sung cụ thể được cho trong bảng 2.

Bảng 1: Danh mục học phần bổ sung

TT	Tên học phần	Mã số	Thời lượng	Ghi chú
1	Động cơ đốt trong	TE3010	3(3-0-1-6)	
2	Kết cấu ô tô	TE3200	3(3-1-0-6)	
3	Lý thuyết ĐCĐT I	TE3020	3(3-1-0-6)	

Bảng 2: Danh mục đối tượng phải học bổ sung

TT	Đối tượng nhóm	Số TC bổ sung	Các HP bổ sung cụ thể (thuộc bảng 1)*	Ghi chú
1	A	0		Không phải học bổ sung
2	B	3	3	
3	C	9	1,2,3	

4. Miễn học phần

Danh mục các học phần xét miễn học trong bảng 3 và danh mục các đối tượng và học phần được xét miễn cụ thể trong bảng 4.

Bảng 3: Danh mục học phần xét miễn học

TT	Tên học phần	Mã số	Thời lượng	Ghi chú
1	Lý thuyết ĐCĐT II	TE5010	2(2-1-0-4)	Bắt buộc
2	Động lực học và dao động	TE5020	3(3-0-1-6)	Bắt buộc

	ĐCĐT			
3	Thiết kế, tính toán ĐCĐT	TE5030	4(4-1-0-8)	Bắt buộc
4	Tăng áp động cơ	TE5040	2(2-1-0-4)	Bắt buộc
5	Trang bị động lực	TE5050	3(3-1-0-6)	Bắt buộc
6	Đồ án chuyên ngành ĐCĐT	TE5060	2(1-2-1-2)	Bắt buộc
7	Thí nghiệm ĐCĐT	TE4010	3(3-0-1-6)	Tự chọn
8	Kỹ thuật bảo dưỡng và sửa chữa ĐCĐT	TE4020	3(3-0-1-6)	Tự chọn
9	Nhiên liệu dầu mỡ và khí thải	TE3030	3(3-1-0-6)	Tự chọn
10	Hệ thống nhiên liệu và TĐĐC tốc độ ĐCĐT	TE3040	3(3-1-0-6)	Tự chọn
11	Hệ thống điện và điện tử ô tô	TE4200	3(3-0-1-6)	Tự chọn
12	Lý thuyết ô tô	TE3210	3(3-1-0-6)	Tự chọn
13	Động lực học ô tô	TE4240	2(2-1-0-4)	Tự chọn
14	Máy thủy lực thể tích	TE3460	2(2-1-0-4)	Tự chọn
15	Dao động kỹ thuật	ME4031	2(2-1-0-4)	Tự chọn

Bảng 4: Danh mục đối tượng được xét miễn học phần

TT	Đối tượng nhóm	Số TC được miễn	Các HP được miễn (thuộc bảng 3)	Ghi chú
1	A1.1, A2.1	22	Các HP từ số 1 đến số 6 và 6TC tự chọn từ HP số 7 đến số 15	
2	B1.1, B2.1	17	Các HP từ số 3 đến số 6 và 6TC tự chọn từ HP số 7 đến số 15	
3	C1.1, C2.1	14	Các HP số 2,4,5 và 6TC tự chọn từ HP số 7 đến số 15	
4	A1.2, A2.2	11	Các HP số 4,5 và 6TC tự chọn từ HP số 7 đến số 15	
5	B1.2, B2.2	9	HP số 5 và 6TC tự chọn từ HP số 7 đến số 15	
6	C1.2, C2.2	6	6TC tự chọn từ HP số 7 đến số 15	
7	Các đối tượng khác	0	Không miễn	

Các đối tượng tốt nghiệp đại học hệ vừa làm vừa học và các đối tượng khác do Viện Cơ khí Động lực xét duyệt hồ sơ và quyết định.